

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2052/UBND-NNTN
V/v đề xuất phương án
sử dụng tiền chi trả dịch vụ
môi trường năm 2011, 2012
chưa có đối tượng chi trả

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 5 năm 2015

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....3098.....
	Ngày:.....08/5/15.....
	Chuyên:.....

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính.

Trên cơ sở Công văn số 2030/BNN-TCLN ngày 14/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn lập phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2011, 2012 chưa có đối tượng chi, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất phương án sử dụng nguồn tiền chi trả chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2011, 2012 (dự kiến thu 3.150 triệu đồng, hiện nay số tiền này chưa thu được) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để chi cho các hoạt động sau:

- Trích 10% chi phí quản lý cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 15 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả DVMTR): 315 triệu đồng.

- Hỗ trợ chi bổ sung cho các chủ rừng có đơn giá chi trả bình quân thấp hơn 200.000 đồng/ha/năm là: 2.407 triệu đồng (theo Thông báo số 935/TB-VPCP ngày 03/10/2014 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại Hội nghị trực tuyến sơ kết 03 năm thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng).

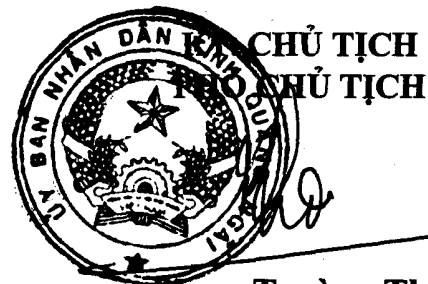
- Hỗ trợ trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển đổi để thực hiện dự án Hồ chứa nước Nước Trong (13 ha): 428 triệu đồng (Nếu năm 2015 chưa thu được tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2011-2012 thì sử dụng nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2013-2014 chưa có đối tượng chi trả để thực hiện).

(có Phương án chi tiết kèm theo)

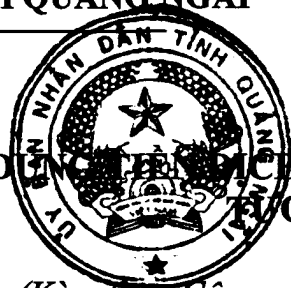
Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak354.



CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH
Phạm Trường Thọ



PHƯƠNG ÁN
SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ VÙNG MÔI TRƯỜNG RỪNG CHƯA CÓ ĐỜI
TRƯỜNG CHI NĂM 2011, 2012

*(Kèm theo Công văn số 2052/UBND-NNTN ngày 07/5/2015
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

PHẦN THỨ NHẤT
ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Khái quát thông tin cơ bản về địa phương

Quảng Ngãi có tổng diện tích tự nhiên 515.295,10 ha (theo số liệu thống kê đất đai năm 2011), diện tích đất lâm nghiệp 298.275,49 ha (kết quả rà soát hiện trạng đến tháng 3 năm 2012), chiếm 57,9 % diện tích tự nhiên của tỉnh.

Từ năm 2011 đến nay, công tác tổ chức, quản lý, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh đã được thực hiện theo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 – 2020. Độ che phủ của rừng hàng năm tăng lên từ 1,0-1,5%/năm. Trong đó, các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh đã góp một phần không nhỏ trong giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân sống gần rừng và tham gia các hoạt động sản xuất nghề rừng. Bình quân hàng năm đã giải quyết cho gần 30 ngàn lao động trong ngành lâm nghiệp có thu nhập thông qua các hoạt động nhận khoán bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng, sản xuất cây giống lâm nghiệp. Điều đặc biệt là các hoạt động lâm nghiệp đã gắn kết với các chương trình dự án quốc gia khác liên quan đến đời sống, kinh tế xã hội của người dân vùng cao, dân tộc thiểu số như chương trình Bảo vệ và phát triển rừng, chương trình 30a... đã góp phần không nhỏ vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo đối với các huyện miền núi, các xã đặc biệt khó khăn, góp phần vào việc đảm bảo an toàn trật tự xã hội, ổn định an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh.

II. Khái quát tình hình thành lập bộ máy chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tại địa phương

1. Hội đồng quản lý Quỹ: Gồm có 09 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ ;các ủy viên là Phó Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Cục Thuế tỉnh và Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Riêng Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ làm Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban Kiểm soát Quỹ: Nhiệm vụ Ban Kiểm soát giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát các hoạt động của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

3. Bộ máy chỉ đạo, điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và đi vào hoạt động từ tháng 10/2013.

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm có: Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Quỹ. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách. Giám đốc Quỹ giúp hội đồng quản lý Quỹ giám sát các hoạt động của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ; Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Quỹ theo chế độ thủ trưởng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp.

- Chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cấp Trưởng, phó phòng của các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng do Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Hiện tại, tổng số công chức, viên chức thuộc biên chế của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh là 06 người.

III. Giới thiệu tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện chính sách chi trả DVMTR

Triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn số 806/UBND-NNTN ngày 12/3/2014 chỉ đạo các ngành, các cấp, UBND các huyện, các tổ chức sử dụng dịch vụ môi trường rừng triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh; ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 về việc phê duyệt danh sách các tổ chức sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 về việc phê duyệt danh sách các đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng thuộc các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, các đề án chi trả DVMTR thuộc các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh đang được UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở thực hiện chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng trong kế hoạch năm 2015.

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DVMTR

I. Kết quả thu, chi và tồn đọng tiền DVMTR

1. Kế hoạch thu, chi tiền DVMTR của các năm 2011 – 2012

a) Kế hoạch thu: Theo số liệu sản lượng điện thương phẩm của các nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh do Công ty Điện lực Quảng Ngãi cung cấp thì dự kiến số tiền thu ủy thác chi trả tiền DVMTR của các năm 2011 – 2012 là khoản 3.150 triệu đồng. Tuy nhiên đến nay, số tiền này chưa thu được.

b) Kế hoạch chi:

- Chi phí quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (10%): 315 triệu đồng;

- Chi trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển đổi để thực hiện dự án Hồ chứa nước Nước Trong (13 ha): 428 triệu đồng (Nếu năm 2015 chưa thu được tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2011-2012 thì sử dụng nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2013-2014 chưa có đối tượng chi trả để thực hiện).

- Dự kiến chi hỗ trợ chi bổ sung cho các chủ rừng có đơn giá chi trả bình quân thấp hơn 200.000 đồng/ha/năm: khoản 2.407 triệu đồng.

- Trích lập quỹ dự phòng: 0 đồng.

2. Tồn đọng tiền DVMTR (nguồn thu DVMTR của năm 2011 – 2012) là: 0 đồng.

II. Sơ bộ đánh giá tác động và hiệu quả của chính sách

Qua 02 năm triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) theo Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ, chính sách này đã từng bước tạo ra chuyển biến tích cực trong việc huy động nguồn lực xã hội cho việc Bảo vệ và Phát triển rừng, góp phần cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng ở khu vực miền núi. Theo kết quả rà soát, xây dựng các đề án chi trả DVMTR thuộc các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì tổng diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 35.088 ha, trong đó, có 18.700 ha rừng đủ điều kiện tham gia cung ứng DVMTR, thuộc địa bàn các huyện: Tây Trà, Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà và Ba Tơ. Kế hoạch năm 2015, phần diện tích rừng này sẽ được thực hiện chi trả tiền DVMTR. Nhìn chung, chính sách chi trả tiền DVMTR triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua mặc dù chưa tiến hành chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng, nhưng dự báo sẽ tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác

bảo vệ và phát rừng tại địa phương trong thời gian tới thông qua các hoạt động phi dự án lồng ghép với công tác bảo vệ rừng, góp phần cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng, tạo niềm tin, động lực để hộ đồng bào tích cực tham gia bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

PHẦN THỨ BA

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Các căn cứ xây dựng phương án

- Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;
- Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Thông tư số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Liên Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;
- Thông tư số 02/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo;
- Thông báo số 935/TB-VPCP ngày 03/10/2014 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại Hội nghị trực tuyến sơ kết 03 năm thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCLN ngày 23/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc "Phê duyệt đề án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác;
- Kết quả lập các đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
- Công văn số 3023/BNN-TCLN ngày 14/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn lập phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2011, 2012 chưa có đối tượng chi.

2. Mục tiêu

- Để việc quản lý, sử dụng số tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2011, 2012 chưa xác định đối tượng chi 3,150 tỷ (số dự kiến thu) có hiệu quả phù hợp với chính sách chi trả DVMTR.
- Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong các lưu vực có cung ứng DVMTR trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020.
- Khuyến khích người dân tích cực tham gia vào công tác quản lý bảo

riêng.

- Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân trực tiếp tham gia bảo vệ rừng, đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Khôi phục diện tích rừng đã chuyển sang mục đích khác.

3. Nhu cầu và các hoạt động đề xuất

Theo kết quả lập đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, thì có lưu vực mức chi trả bình quân trên hecta rất cao (lưu vực thủy điện Hà Nang mức chi trả bình quân 1.320.694 đồng/ha), có những lưu vực có mức chi trả bình quân rất thấp (lưu vực thủy điện Định Bình mức chi trả bình quân 34.207 đồng/ha), nên có sự chênh lệch về số tiền nhận được, trong khi đó cùng thực hiện một nhiệm vụ là nhận khoán bảo vệ rừng, dẫn đến ảnh hưởng thực hiện không tốt công tác bảo vệ rừng.

Để khuyến khích, động viên, tăng thu nhập cho người dân tham gia bảo vệ rừng, giảm nguồn đầu tư ngân sách địa phương, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất sử dụng kinh phí thu được từ dịch vụ môi trường rừng các năm 2011, 2012 để hỗ trợ chi trả bổ sung cho các chủ rừng có đơn giá chi trả bình quân thấp hơn 200.000 đồng/ha và hỗ trợ trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển đổi để thực hiện dự án hồ chứa Nước Trong.

4. Dự toán kinh phí

a) Kế hoạch thu: Tổng số tiền ủy thác dự kiến thu từ năm 2011 – 2012 (nếu thu được) tại 04 nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh là khoản 3.150 triệu đồng.

b) Kế hoạch chi:

- Trích chi phí quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: (10%): 315 triệu đồng;

- Chi trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển đổi để thực hiện dự án thủy lợi (Hồ chứa nước Nước Trong): 428 triệu đồng;

- Chi hỗ trợ chi bổ sung cho các chủ rừng có đơn giá chi trả bình quân thấp hơn 200.000 đồng/ha/năm: khoản 2.407 triệu đồng/11.940,51 ha. Trong đó, mức hỗ trợ cụ thể cho từng lưu vực như sau:

+ Lưu vực Thủy điện Định Bình: Diện tích hỗ trợ 1.689,37 ha; mức hỗ trợ 144.793 đồng/ha;

+ Lưu vực thủy điện lưu vực Nước Trong: Diện tích hỗ trợ 8.943,88 ha; mức hỗ trợ 96.545 đồng/ha;

+ Lưu vực thủy điện Cà Đú: Diện tích hỗ trợ 1.307,26 ha; mức hỗ trợ 72.861 đồng/ha.

(chi tiết có Phụ lục kèm theo)

5. Kế hoạch triển khai thực hiện

- Đối với việc trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển đổi để thực hiện dự án hồ chứa Nước Trong thực hiện từ năm 2015-2018;

- Đối với chi hỗ trợ cho các chủ rừng có đơn giá chi trả bình quân thấp hơn 200.000 đồng/ha/năm: Thực hiện hỗ trợ trong 02 năm (dự kiến 2015-2016), nếu tiền DVMTR các năm 2011, 2012 thu được trong quý II/2015.

6. Tổ chức thanh quyết toán và theo dõi, giám sát

Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện kịp thời và đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Trên đây là Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng chưa có đối tượng chi năm 2011,2012, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.



Phụ lục

PHỤ LỤC NHU CẦU KINH PHÍ

(Sử dụng nguồn tiền ĐVNTN chưa có đối tượng chi trả năm 2011, 2012)

(Kèm theo Công văn số 101/UBND-NTN ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nội dung	ĐVT	Khối/số lượng	Đơn vị tính (đồng)	Thời gian (năm)	Thành tiền (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng cộng						3.150
I	Trích chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (10%)					315
II	Hỗ trợ chi trả bổ sung cho các chủ rừng có đơn giá chi trả bình quân thấp hơn 200.000 đ/		11.940,51			2.407
1	Lưu vực thủy điện Định Bình	ha	1.689,37	144.793	2	489
2	Lưu vực thủy điện Nước Trong	ha	8.943,88	96.545	2	1.727
3	Lưu vực thủy điện Cà Đú	ha	1.307,26	72.861	2	190
III	Trồng rừng thay thế Hồ chứa nước Nước Trong	ha	13,00		4	428

Ghi chú: Diện tích chi trả hỗ trợ nêu trên là diện tích đã Quy đổi